# Vài nét về làng Sặt trong phong trào nông dân Yên Thế

**Bùi Thị Hà**(*)

**Tóm tắt:** *Phong trào nông dân Yên Thế là một trong những phong trào kháng Pháp kiên cường, bền bỉ, lâu dài nhất ở Việt Nam thời cận đại. Trong gần 30 năm (1884-1913), các thủ lĩnh nghĩa quân nông dân đã bám trụ trên chính quê hương mình chiến đấu, chống quân xâm lược. Điều đặc biệt của phong trào nông dân Yên Thế là sự xuất hiện hình thái "làng chiến đấu" ở các làng như Hữu Nhuế, Cao Thượng, Sặt…, trong đó tiêu biểu nhất là làng Sặt. Qua một số tài liệu tiếng Pháp, bài viết tìm hiểu rõ hơn về "trường hợp Sặt" trong phong trào nông dân Yên Thế, như là một trong những chỉ dấu thực tiễn đầu tiên về phương thức chiến tranh nhân dân thời hiện đại.*

**Từ khóa:** Nghĩa quân Yên Thế, Làng Sặt, Làng chiến đấu, Hệ thống phòng thủ

**Abstract:** *The Yen The peasant movement was one of the most resilient and long-lasting anti-French movements in pre-modern Vietnam. For about 30 years (1884-1913), the peasant insurgent leaders managed to stand firm in their own homeland fighting against the invaders. A special feature of the Yen The peasant movement is the emergence of "fighting villages" in such villages as Huu Nhue, Cao Thuong, Sat, of which Sat village is the most typical. The paper studies more about the "Sat village case" in this movement through some French documents as one of the first practical indicators of people's war method of modern times.*

**Keywords:** Yen The Insurgent Army, Sat Village, Fighting Village, Defence System

Ngày nhận bài: 11/01/2024; Ngày duyệt đăng: 15/5/2024

## 1. Mở đầu

Nửa cuối thế kỷ XIX, lịch sử Việt Nam bước vào thời cận đại với sự xuất hiện của hàng loạt những cuộc khởi nghĩa chống Pháp xâm lăng, khắp trong Nam ngoài Bắc, dù có sự hỗ trợ của quân đội triều đình hay không, tất cả đều kiên quyết chiến đấu bảo vệ nền tự do, độc lập của dân tộc. Tuy không nhiều thành công, nhưng khi ngọn cờ này bị dập tắt, thì ngọn cờ khác lại vùng lên; trong đó có cả những cờ nghĩa nông dân kéo dài hàng chục năm, chiến đấu kiên cường, gây tổn thất lớn cho các đạo quân phương Tây xâm lược. Các cuộc khởi nghĩa nhân dân ấy đi theo đường lối quân sự cổ truyền, hoặc chỉ là phong trào tự phát, đều tập hợp đông đảo sức mạnh quần chúng và nhằm thẳng kẻ thù cũng như nêu cao ý chí bất khuất, kiên cường của dân tộc.

Trong giai đoạn lịch sử đó, đã có những cuộc khởi nghĩa trường kỳ, không chỉ có quy mô liên kết những tổng, những làng với nhiều thành phần tham gia, mà còn xuất hiện cả những nhân tố mới trong tổ chức và hoạt động nghĩa quân. Điển

(*) TS., Viện Sử học, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam; Email: habuivsh@gmail.com

hình nhất trong số đó là phong trào nông dân Yên Thế.

**2. Một vài nét về phong trào nông dân Yên Thế**

Vào cuối thế kỷ XIX, "Yên Thế là một vùng trung châu Bắc kỳ, cách Hà Nội khoảng 50 km về phía Tây Bắc. Khu Yên Thế nằm lọt giữa dải núi đá Cai Kinh (Lạng Sơn - Bắc Giang) và dãy núi miền thượng lưu sông Cầu và sông Thương. Vùng Yên Thế Thượng hay Thượng Yên là những rừng rậm cao từ 100 đến 150 thước. Vùng Hạ Yên là đồng bằng, lác đác vài ngọn đồi cao không quá 50 thước. Phía Đông Yên Thế giáp tỉnh Lạng Sơn, phía Tây giáp hai tỉnh Bắc Kạn và Thái Nguyên, phía Nam giáp Bắc Giang và Đáp Cầu, Bắc Ninh[1], phía Bắc liền với Thất Khê[2] và Cao Bằng. Yên Thế là một vùng hiểm trở, vách núi cheo leo, thác ghềnh quanh co, có đường thông suốt qua địa giới Trung Hoa như mạng nhện" (Chack, 1933: 263-264). Với lợi thế địa hình như vậy, Yên Thế trở thành một căn cứ địa vô cùng thuận lợi cho hoạt động của nghĩa quân về cả công và thủ. Đó là một trong những yếu tố thuận lợi để những người "Trai Cầu Vồng Yên Thế" phất ngọn cờ lãnh đạo nhân dân đấu tranh chống quân Pháp xâm lược trải dài gần 3 thập kỷ (1884-1913). Yên Thế còn là nơi hội tụ nghĩa quân từ các tỉnh đồng bằng Bắc kỳ như Hải Dương, Bắc Ninh, Thanh Hóa, Phúc Yên kéo lên khi bị địch đàn áp. Vì vậy, Yên Thế trở thành một căn cứ chống Pháp mạnh nhất vào cuối thế kỷ XIX, gây cho Pháp nhiều khó khăn trong công cuộc bình định (Tạ Thị Thúy, 2018: 333).

Trong hoạt động chống Pháp ở Bắc kỳ thời kỳ này, nổi bật, tiêu biểu và bền bỉ nhất là phong trào nông dân Yên Thế. Phong trào này trải qua 4 giai đoạn: giai đoạn 1884-1892; giai đoạn 1892-1897; giai đoạn 1898-1908; giai đoạn 1909-1913. Đây là một phong trào đặc biệt trong phong trào yêu nước chống Pháp của nhân dân Việt Nam từ cuối thế kỷ XIX đến đầu thế kỷ XX theo đường lối quân sự cổ truyền: xây dựng và dựa vào thế thủ hiểm để chống lại cuộc tấn công của quân đội thực dân xâm lược. Những người nông dân lợi dụng địa hình, địa vật hiểm trở làm nơi phòng thủ để bảo vệ quê hương, làng xóm của mình. Họ trang bị vũ khí tự tạo, tôn những người có uy tín như ông Đề, ông Đốc làm thủ lĩnh và tự gọi mình là quân khởi nghĩa, lấy tên theo địa danh quê hương mình (Yên Thế), hoặc theo tên thủ lĩnh (Hoàng Hoa Thám)[3].

[1] Nay là phường Đáp Cầu, thành phố Bắc Ninh.

[2] Thị trấn Thất Khê, huyện Tràng Định, tỉnh Lạng Sơn.

[3] Hoàng Hoa Thám (1858-1913), tên là Trương Văn Thám, người làng Dị Chế, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên, sau này ông di cư lên Sơn Tây rồi đến Yên Thế, Bắc Giang. Ông là một trong những tướng lĩnh trong nghĩa quân của Đề Nắm, hoạt động ở vùng Yên Thế từ năm 1885. Cuối năm 1890, dưới trướng của Đề Nắm, Hoàng Hoa Thám đã chỉ huy nghĩa quân giành thắng lợi và đẩy lui nhiều đợt tấn công của quân Pháp ở Cao Thượng, Hố Chuối. Năm 1891, nghĩa quân mở rộng hoạt động ra khắp vùng Yên Thế. Thực dân Pháp tiến hành càn quét, nghĩa quân phải rút lên Đồng Hom. Trong cuộc tấn công của quân Pháp vào tháng 3/1892, Đề Nắm hy sinh, phong trào có nguy cơ tan vỡ, Hoàng Hoa Thám đứng ra tiếp tục tập hợp nghĩa quân, trở thành thủ lĩnh tối cao của phong trào. Tháng 9/1894, nghĩa quân bắt được Chesnay - chủ đồn điền người Pháp, chủ bút tờ báo *Tương lai Bắc kỳ*. Sự việc này đã buộc Pháp phải ký Hiệp ước ngày 23/10/1894 giảng hòa với nghĩa quân. Hết thời gian đình chiến, quân Pháp lại tấn công lên Yên Thế vào tháng 11/1895 và chiếm được Phồn Xương. Trước sự truy đuổi gắt gao rồi lại dụ hàng của quân Pháp, Hoàng Hoa Thám đề nghị giảng hòa lần hai. Tranh thủ thời gian hòa hoãn, ông cho xây dựng lại căn cứ Phồn Xương và mở rộng quan hệ với các chí sĩ yêu nước như Phan Bội Châu, Phan Châu Trinh... Sau vụ Hà Thành đầu độc năm 1908, quân Pháp rắp tâm tiêu diệt nghĩa quân của Hoàng Hoa Thám. Năm 1913,

Có thể nói, phong trào nông dân Yên Thế được hình thành từ những cuộc khởi nghĩa ban đầu, sau phát triển thành lực lượng đông đảo, có thủ lĩnh tài năng xuất thân là những người nông dân Yên Thế, hoạt động trên vùng lãnh thổ rộng lớn, kéo dài gần 30 năm… Điểm độc đáo của phong trào là sự xuất hiện và liên kết của các làng chiến đấu như làng Sặt, làng Hữu Nhuế, làng Cao Thượng...

**3. "Làng chiến đấu" ở Sặt**

***- Sự xuất hiện hình thái "Làng chiến đấu" (défensive des villages) trong phong trào nông dân***

Trong những năm cuối thế kỷ XIX, trước những cuộc tấn công của quân đội Pháp, nhân dân vùng Yên Thế đã kháng cự bằng cách tổ chức nhiều làng chiến đấu, trên cơ sở sáng tạo những điều kiện tự nhiên, địa hình tại chỗ. "*Các nhóm người An Nam được tổ chức ở vùng Yên Thế, với các thủ lĩnh Đề Nắm, Bá Phúc và Đề Thám. Hoạt động chống lại những nhóm này đang diễn ra. Nhiều phân đội cùng hợp tác ở đây. Các tờ báo viết rằng Bắc kỳ đã được bình định*" (Bonnafont, 1923: 16). Theo nghiên cứu của Pháp: "*những nhóm này [nghĩa quân Yên Thế] được tạo thành từ 400 tay súng, chiếm đóng vùng lãnh thổ dưới sự chỉ huy của Đề Nắm. Trừ một ổ nhóm thường trực gồm khoảng 60 người, các nhóm này được tạo thành từ người dân trong vùng (...). Đề Nắm tổ chức vùng Yên Thế và tạo ra ở đây một pháo đài thực sự*"[1].

Những làng chiến đấu vùng Yên Thế được mô tả kỹ lưỡng qua góc nhìn của một chứng nhân lịch sử - đại tá thủy quân lục chiến Frey - như sau: "*Trong một thời gian dài, để kháng cự những cuộc xâm lược diễn ra không ngừng, người dân Yên Thế đã buộc phải tổ chức phòng vệ ở xóm làng của họ. Trong ý định này, các làng xóm vùng đồng bằng được bao quanh bởi phần lớn các lũy tre dầy với hai hoặc ba lớp, mỗi lớp lại gồm rào tre và tường đất, tạo nên rào cản rất chắc chắn, giữa hai hàng rào tre liên tiếp có những ao sâu; những ngõ hẻm chật hẹp quanh co chỉ vừa đủ cho một con trâu lọt qua, chia làng ra thành nhiều cụm, và khi có dịp thì có thể tạo thành những khu riêng biệt, những trung tâm kháng chiến; lối vào làng chỉ có hai hoặc ba cổng có ụ đất che chắn, phía trước có một lũy đất khúc khuỷu dài khoảng vài mét đặt nhiều ổ bắn. Những làng lưng tựa vào chân đồi cũng được sắp xếp tương tự như vậy; làng bao quanh thành đường vòng cung, tăng dần độ cao, có một hai chỗ bỏ ngỏ về phía sau làng để người làng khi cần có thể rút vào phần đất gồ ghề, bị bao phủ bởi rừng và gai góc. Trong chỗ rậm rạp ấy có nhiều đường mòn ẩn nấp, chỉ có người làng mới thông thuộc và họ có thể trốn thoát ra ngoài cánh đồng khi bị rơi vào những tình thế bất lợi*" (Le colonel Frey, 1892: 15).

Tại một số dấu tích căn cứ địa của Đề Nắm ở các xóm Quyên, xóm Khùa, ví dụ ở đồn lũy làng Thị (xã Tân Trung) có đầy đủ các khu riêng biệt, xứng đáng là đại bản doanh cho một cuộc chiến đấu lâu dài. Trong bản doanh có khu công binh xưởng rèn đúc vũ khí, khu dự trữ lương thảo, khu quân trang, nhà thuốc, khu hội họp bàn đại sự, khu tiếp khách và đặc biệt có cả khu tư gia của vợ con một số tướng lĩnh[2]. Từ

---

Hoàng Hoa Thám bị sát hại, đánh dấu sự thất bại hoàn toàn của phong trào nông dân Yên Thế (Xem: Tạ Thị Thúy, 2018: 333-336).

[1] *Histoire militaire de l'Indochine Française*, *des débuts à nos jours (juillet 1930)*, Tome 1, Imprimerie d'Extrême-Orient, 1930, p. 219.

[2] Theo tư liệu điều tra, điền dã trong thời gian (1995-1996) của Ngô Sĩ Lực, Trưởng phòng Văn hóa Thông tin huyện Tân Yên (1989-2009) (Dẫn theo: *Lương Văn Nắm vị thủ lĩnh đầu tiên của cuộc khởi nghĩa Yên Thế*, http://www.holuongvietnam.org/luong-van-nam-vi-thu-linh-dau-tien-cua-khoi-nghia-yen-the-1884-1913-bid96.html).

đồn lũy của làng Thị, có thể hình dung ra mô hình làng chiến đấu. Đó là những ngôi làng mà ở đó người nông dân đã tận dụng địa hình, địa vật tự nhiên, từ cổng làng, bờ tre, bờ lũy, ao sâu, ngõ nhỏ quanh co đến con đê che chắn... để tạo ra giới hạn ngăn cách với bên ngoài, chống lại sự xâm nhập của kẻ thù, đảm bảo an ninh cho cư dân của làng. Đó là bản năng tự vệ của người Việt từ ngàn đời xưa, một hình thái của chiến tranh du kích, lợi dụng địa hình địa vật có sẵn, ứng biến với thực tế để tạo ra một chiến lũy ngăn bước và sẵn sàng chiến đấu chống quân thù.

Hệ thống làng chiến đấu này không những thể hiện tài năng quân sự và dấu ấn của những người đứng đầu mà còn phản ánh sự cố kết cộng đồng của người dân Yên Thế trong cuộc chiến chống kẻ thù chung là thực dân Pháp. Bên cạnh đó, cùng với các căn cứ kháng chiến như *Khu căn cứ Khám Nghè* (khu vực sông Sỏi) với hệ thống đồn Đề Nắm, đồn Đề Trung, đồn Đề Lâm, các làng chiến đấu còn có vai trò phát triển chiến tranh du kích, kìm giữ chân địch, tiêu diệt đối phương. "*Tổng thể cách bố trí này tạo ra một sự đảm bảo an ninh rất lớn cho người dân Yên Thế: nó cho phép các nhóm nghĩa quân có nơi trú ngụ, hoặc tìm được lối đi, chống lại những cuộc tấn công của các toán quân có số lượng nhỏ, gây ra một vài thất bại cho những toán quân này, và cuối cùng, nó giúp chiếm lấy một trong những làng này, sử dụng những trụ cột trang bị của pháo binh*" (Le colonel Frey, 1892: 16-17).

Trong các năm 1889-1892, các làng chiến đấu đã góp phần cùng quân dân Yên Thế giành thắng lợi trước nhiều toán quân của Pháp (do các tướng Brière de l'Isle, Godin, Voyron chỉ huy), làm nên chiến thắng trong các trận mở màn ở làng Cao Thượng (ngày 06/11/1890), các trận Hữu Nhuế (lần thứ nhất ngày 08/12/1890, lần thứ hai ngày 11/12/1890, lần thứ ba ngày 22/12/1890, lần thứ tư ngày 03/01/1891), trận đánh đồn Đề Dương (ngày 25/3/1892), trận đánh đồn Đề Nắm (ngày 26-27/3/1892) (Đinh Xuân Lâm, Nguyễn Văn Sự, Trần Hồng Việt, 1958: 36-58). Lý giải cho việc mở rộng triển khai binh lực trong trận Hữu Nhuế, tướng Chabrol viết: "*Những ngày cuối của cuộc vây hãm, quân số của nghĩa quân còn khá đáng kể, lên tới hàng nghìn, nhóm quân bắt đầu dần dần tăng cường*" (Commandant Roquillet, 1913: 385-386). Những thắng lợi đó của quân dân Yên Thế đã khiến trung tá Péroz phải thốt lên rằng: *Không một nơi nào ở Bắc kỳ lại luôn có chiến sự ác liệt diễn ra như ở nơi đây* (Péroz, 1908; Dẫn theo: Đinh Xuân Lâm, Nguyễn Văn Sự, Trần Hồng Việt, 1958: 38).

***- Làng Sặt xây dựng "Làng chiến đấu"***

Thời Pháp thuộc, làng Sặt thuộc xã Dương Sơn, tổng Mục Sơn[1], phủ Yên Thế, tỉnh Bắc Giang. Xã Dương Sơn gồm 3 thôn: Chiềng, Dương, Sặt (UBND tỉnh Bắc Giang, 2006: 61). Hiện nay, làng Sặt thuộc xã Liên Sơn, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang (UBND tỉnh Bắc Giang, 2002: 613).

Làng Sặt là một làng chiến đấu của người dân vùng Yên Thế nhằm chống lại bước tiến xâm lược của quân Pháp. Tên làng Sặt thường được dẫn ra như một ví dụ minh chứng cho mô hình làng chiến đấu, nhân tố tạo nên cuộc chiến tranh nhân dân ở vùng này. "*Ở làng Sặt, khu phòng thủ thu nhỏ được thiết lập bên trong làng, giống như ở Cao Thượng, khu phòng thủ được xây trong khu vực gần sát rừng*" (Le colonel Frey, 1892: 16).

Từ rất sớm, làng Sặt đã tham gia xây dựng lực lượng và là nơi trú quân của nghĩa

[1] Tổng Mục Sơn gồm các xã: Cao Thượng, Dương Sơn, Đạm Phong, Hòa Mục, Hữu Mục, Lục Liễu, Mục Sơn, Quất Du (Ngô Vi Liễn, 1999: 22).

quân Yên Thế. Theo nhận định của đại tá thủy quân lục chiến Frey: "*Từ lâu, vùng Yên Thế Thượng là nơi sinh ra một số thủ lĩnh của quân nổi loạn. Được tạo ra trong một khu vực hết sức thích hợp cho chiến tranh của người nông dân, nhóm quân của họ đã không ngừng tăng trưởng; trong tháng 8 họ đã không hề sợ hãi mà tấn công các đội trinh sát của chúng ta 2 lần. Nhân tố chính, người thủ lĩnh Đề Nắm, đã chiếm giữ toàn bộ vùng phía Bắc Tỉnh Đạo, các sào huyệt ở làng Sặt và Tề Lộc*"[1]. Tài liệu của đại tá thủy quân lục chiến Frey cho biết thêm: Vào năm 1889, "*Một trạm lính dân vệ địa phương*[2] *được xây dựng ở vùng Bỉ Nội, trung tâm Yên Thế; quân đồn trú ở đồn này muốn đến tấn công một băng đảng ở làng Sặt nhưng buộc phải nhanh chóng quay về*" (Le colonel Frey, 1892: 26).

Với vị trí địa chính trị, được lựa chọn là địa bàn xây dựng và củng cố lực lượng cho nghĩa quân Yên Thế, làng Sặt là nơi diễn ra nhiều cuộc giao tranh khốc liệt giữa quân ta và quân Pháp. Tiêu biểu nhất là hai cuộc chiến đấu của nhân dân làng Sặt chống lại cuộc tấn công của quân Pháp vào tháng 9/1889 và tháng 11/1890.

- ***Làng Sặt chiến đấu chống thực dân Pháp***

Tháng 9/1889, quân Pháp được trang bị nhiều vũ khí hiện đại, với sự trợ giúp của một số binh lính người Hoa và người Bắc kỳ, đã mở cuộc tấn công vào lực lượng nghĩa quân đang trú ngụ ở làng Sặt. Nghĩa quân đã chống trả quyết liệt, nhưng trước sức mạnh hùng hậu của quân địch, nghĩa quân buộc phải rút về Bắc Hữu Thượng, tiếp tục xây dựng và củng cố lực lượng. Cuộc giao tranh ác liệt này đã được miêu tả sinh động qua một số tài liệu của Pháp.

Theo đại tá thủy quân lục chiến Frey: Ngày 17/9/1889, toán quân được trang bị 136 khẩu súng, một khẩu đại pháo được trợ giúp bởi 23 pháo thủ, một trung đội gồm 30 kỵ binh người Bắc kỳ và 60 lính thủ bộ đã tập trung ở Bỉ Nội, ngày hôm sau đi bộ sang làng Sặt để chiếm khu vực này. Cuộc tấn công bắt đầu lúc 6 giờ sáng; đối phương rời bỏ đường dẫn đầu tiên vào làng mà không nổ một phát súng nào. Những cánh cửa của hai bờ lũy đầu tiên bị phá vỡ bằng đạn bộc phá. Khi tiến tới trước bờ lũy thứ ba, họ được tiếp đón bằng một mồi lửa rất dữ dội, buộc phải rút lui. Cuộc tấn công phải chuyển hướng sang một điểm khác trong làng Sặt, nơi được xác định là hang ổ của quân phiến loạn. Trung đội kỵ binh Bắc kỳ dưới sự chỉ đạo của thiếu úy Ségur d'Aguesseau đã chặn đối phương trên đường rút về Tỉnh Đạo; trong nửa giờ đồng hồ, một cuộc đụng độ quyết liệt nổ ra giữa một nửa trung đội với quân phiến loạn; ngay lúc đó, ở một điểm khác, đại úy Delahaye, với phần còn lại của trung đội kỵ binh, đã bị đẩy lùi sau một cuộc giao tranh, viên hạ sĩ quan này đã tử trận, một cuộc tấn công nổ ra từ phía băng đảng đối phương đến từ làng bên cạnh. Đội quân có 2 người bị chết và 3 người bị thương. Ngày 26/9, sau khi đến một vài làng ở vùng Tỉnh Đạo và phân tán một số nhóm nhỏ quân phiến loạn, đội quân đã trở về Bắc Ninh (Le colonel Frey, 1892: 28-30).

Viết về sự kiện này, *Histoire militaire de l'Indochine Française*, *des débuts à nos jours (juillet 1930)* cho biết: Ngày 18/9/1889, một đội trinh thám dưới sự chỉ huy của đại úy Gorce đã tiến về tấn công làng Sặt. Đội quân với 250 lính người Hoa

---

[1] *Histoire militaire de l'Indochine Française*, *des débuts à nos jours (juillet 1930)*, Tome 1, Imprimerie d'Extrême-Orient, 1930, p.194.

[2] Theo đại tá thủy quân lục chiến Frey, đây là loại lính bảo an của quân đội, dưới sự chỉ đạo của chính quyền dân sự. Ở Đông Dương, quân số của loại hình này khoảng hơn 12.000 người (Xem: Le colonel Frey, 1892: 26).

và người Việt thiện chiến đã không thể tiếp cận được với mặt trận; nhóm phiến loạn đã chiếm giữ thôn xóm phụ cận. Đại úy Gorce gửi một đội tuần tra kỵ binh đánh ra xung quanh theo cách thức kìm giữ những băng nhóm có thể gây rối cánh quân. Sau đó, trong khi pháo binh tiến hành pháo kích về phía ngôi làng [làng Sặt], một phần của toán quân đã quay ra và thâm nhập vào trong làng mà không nổ một phát súng nào, nhờ sự trợ giúp của khu rừng rậm rạp bao phủ. Quân phiến loạn bị thất thế nên đã bỏ chạy, không kháng cự thêm nữa, có khoảng chục người. Buổi tối, toán quân đã rút khỏi xóm Tề Lộc và phóng hỏa. Sau cuộc đụng độ này, băng nhóm đã rút lui về phía Bắc Hữu Thượng, nơi họ được yểm trở và có nhiều chỗ trú ẩn trong rừng. Đội trinh thám tiếp tục truy đuổi[1].

Sau cuộc đụng độ năm 1889, vào một ngày trung tuần tháng 11/1890, quân Pháp lại tiếp tục tấn công vào làng Sặt và bị nhân dân làng Sặt nhất tề đứng dậy chống trả khiến kẻ cầm đầu là trung úy Plat bị tiêu diệt.

Về sự kiện này, nhóm tác giả Đinh Xuân Lâm và cộng sự viết: *Trong khi địch bị giam chân ở Cao Thượng như vậy, thì trên đường Luộc Hạ đi Bố Hạ, nghĩa quân đã bao vây chặt cánh quân của đại úy Tê-ta trên các ngọn đồi gần làng Luộc Hạ.... Mãi đến sáng 09/11, sau khi địch làm chủ được Cao Thượng và kéo lên giải vây, nghĩa quân mới chịu rút. Hôm sau trong trận chống càn ở làng Sặt, một toán nghĩa quân lại phục kích giết được quan hai Pơ-la [Plat]* (Đinh Xuân Lâm, Nguyễn Văn Sự, Trần Hồng Việt, 1958: 41).

Còn đại tá thủy quân lục chiến Frey thì tường thuật sự kiện Pháp tấn công làng Sặt như sau: *Ngày 09/11, nhóm của Beylié, Tane và Tétart đã tổ chức hành quân về phía Tỉnh Đạo. Từ điểm này, từ ngày 10 đến 20/11, đoàn quân này đã thực hiện một loạt các cuộc trinh sát về đường rút và những sào huyệt của quân phiến loạn (...) Trong khi trinh thám một trong những đường rút này, vào ngày 13/11, đoàn quân đã thâm nhập vào một lô cốt của làng Sặt, nơi mà quân phiến loạn chỉ có thể kháng cự yếu ớt. Trung úy thủy quân lục chiến Plat bị hạ bằng một phát súng khi chuẩn bị tiến đến vị trí đối phương. Với quân đội, sự tổn thất còn đáng tiếc hơn một tước hiệu* (Le colonel Frey, 1892: 119-120). Sự kiện trung úy thủy quân lục chiến Plat bị tiêu diệt ở làng Sặt ám ảnh đại tá Frey đến mức một thời gian sau đó khi viết về việc trung úy Blaise tử trận trong trận Hữu Nhuế lần thứ 3 (ngày 22/12/1890), Frey đã phải thốt lên rằng: *ở giữa những vòng tay này từ một tháng trước, tại làng Sặt, trung úy Plat đã trút hơi thở cuối cùng* (Le colonel Frey, 1892: 149).

Các tác giả Pháp trong sách *Histoire militaire de l'Indochine Française*, *des débuts à nos jours (juillet 1930)* bổ sung các thông tin chi tiết như sau: *Ngày 13, một phân đội khác đã hướng về phía làng Sặt, Ngọc-Xa, Yên-Lê và Duong-Lam. Lúc đoàn quân thâm nhập vào trong lô cốt của làng Sặt để phá hủy, trung úy Plat sĩ quan chỉ huy brigade số 2 đã bị hạ bởi một phát súng*[2].

Với những chiến công đó, cùng với Hữu Nhuế, Cao Thượng, Phu Khe, làng Sặt đã trở thành một trong những nỗi ám ảnh của quân Pháp ở vùng Yên Thế. *Các tên làng này của vùng Yên Thế thường được dẫn ra trong các tạp chí quân sự từ các bức*

[1] *Histoire militaire de l'Indochine Française*, *des débuts à nos jours (juillet 1930)*, Tome 1, Imprimerie d'Extrême-Orient, 1930, p. 195.

[2] *Histoire militaire de l'Indochine Française*, *des débuts à nos jours (juillet 1930)*, Tome 1, Imprimerie d'Extrême-Orient, 1930, p. 220.

*điện tín ở Đông Dương…* (Le colonel Frey, 1892: 8).

**4. Kết luận**

Vào cuối thế kỷ XIX, trước cuộc tấn công xâm lược của quân đội Pháp, người dân vùng Yên Thế như bao miền quê khác đã đứng lên đồng lòng chiến đấu chống lại kẻ thù để giữ đất, giữ làng. Do tương quan lực lượng chênh lệch giữa hai bên, người dân Yên Thế đã kiên cường, sáng tạo, dựa vào những điều kiện tự nhiên sẵn có để chống Pháp. Trong bối cảnh đó, những làng chiến đấu ra đời, từ bờ tre, lũy đất đến con đê, ngõ nhỏ... đều được người dân sử dụng để tạo thành một thế phòng vệ liên hoàn, bảo vệ họ trước kẻ thù.

Với vị trí chính trị đặc biệt, từ rất sớm, Đề Nắm và các thủ lĩnh đã chọn làng Sặt làm nơi xây dựng và củng cố lực lượng của nghĩa quân Yên Thế. Vì vậy, quân đội Pháp quyết tâm mở nhiều đợt tấn công nhằm xóa sổ lực lượng nghĩa quân tại làng Sặt. Trở thành nơi giao tranh trực tiếp giữa hai bên, dưới sự lãnh đạo của nghĩa quân, làng Sặt đã xuất hiện hình thái "Làng chiến đấu" trong cuộc chiến chống thực dân Pháp. Nhân dân làng Sặt đã nhất tề chống trả và đẩy lui bước tiến của quân Pháp, cũng như gây cho đối phương nhiều tổn thất nặng nề.

Từ mô hình làng chiến đấu trong phong trào nông dân Yên Thế cuối thế kỷ XIX, làng Sặt đã mở ra trang truyền thống vẻ vang cho quê hương, trở thành một trong những biểu tượng điển hình cho tinh thần kiên cường, bất khuất, không chịu khuất phục trước kẻ thù. Những thắng lợi quân sự của làng Sặt đã được ghi vào sử sách của cả Việt Nam và Pháp. Làng Sặt là niềm tự hào của nhân dân Yên Thế, trở thành nỗi ám ảnh, khiếp sợ của quân Pháp lúc bấy giờ, cũng như đã để lại nhiều bài học kinh nghiệm về chiến tranh du kích, xây dựng làng chiến đấu.

Trước đây, trong các nghiên cứu ở Việt Nam, dấu ấn của làng Sặt với phong trào nông dân Yên Thế còn khá mờ nhạt. Bởi vậy, với các tài liệu tiếng Pháp mà chúng tôi khai thác được, có thể thấy đã có thêm nhiều dữ liệu lịch sử mới, cho phép hiểu biết sâu sắc hơn về vai trò của làng Sặt với phong trào nông dân Yên Thế trong những năm cuối thế kỷ XIX ❑

**Tài liệu tham khảo**


1. Chack, Paul (1933), *Hoàng Hoa Thám* (Hoang-Tham pirate), Phùng Đức Trung dịch, Võ Nguyên Phong bổ chú (2022), Nxb. Khoa học xã hội và Truongphuong books, Hà Nội.
2. Commandant Roquillet (1913), "Le De-Tham et la piraterie au Tonkin", Revue de *géographie commerciale*, décembre.
3. *Histoire militaire de l'Indochine Française*, *des débuts à nos jours (juillet 1930)*, Tome 1, Imprimerie d'Extrême-Orient, 1930.
4. Đinh Xuân Lâm, Nguyễn Văn Sự, Trần Hồng Việt (1958), *Hoàng Hoa Thám và phong trào nông dân Yên Thế*, Nxb. Văn hóa, Hà Nội.
5. Le colonel Frey (de l'Infanterie de Marine) (1892), *Pirates et rebelles au Tonkin, nos soldats au Yen-thé,* Librairie Hachette et C$^{ie}$, Paris.
6. L. Bonnafont (1923), *Trente ans de Tonkin*, Éditeur Eugène Figuière, Paris.
7. Tạ Thị Thúy (Chủ biên, 2018), *Lịch sử Việt Nam phổ thông từ năm 1858 đến năm 1930*, Tập 5, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
8. UBND tỉnh Bắc Giang (2002), *Địa chí Bắc Giang Từ điển*, Sở Văn hóa Thông tin Bắc Giang và Trung tâm UNESCO Thông tin tư liệu Lịch sử và văn hóa Việt Nam.